

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2025/HC-PT

Ngày: 24 - 3 - 2025

*V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ,
giải quyết khiếu nại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Phạm Ngọc Thái

ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 42/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải quyết khiếu nại”*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 526/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Trần Trung L; địa chỉ: 3 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông Nguyễn Trung L1; địa chỉ: 2 N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

(Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 1758, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/3/2023 của Văn phòng C, thành phố N).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố N.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

Cùng địa chỉ: D L, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Thành N, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N (Giấy ủy quyền số 2225/UBND –TNMT ngày 26/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Duy T, Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố N; có mặt.

+ Bà Trương Thị Yến T1 (Chuyên viên) Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hoàng L2 (PGĐ) và ông Nguyễn Khánh H (nhân viên) Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố N; ông L2 vắng mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trần Trung L3; địa chỉ: 3 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Thôn G, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền số chứng thực 57, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2024 của Văn phòng C, thành phố N) có mặt.

3.2. Công ty Cổ phần V; địa chỉ: B, khóm Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn Đ; địa chỉ: P Tòa O, M, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 16/5/2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần V); có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N; địa chỉ: I Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Văn L4, chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng UBND phường V ; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn S, là người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Trần Trung L và Nguyễn Trần Trung L3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/7/2024 và ngày 25/9/2024, ông Nguyễn Trần Trung L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thửa đất do ông Nguyễn Trần Trung L sử dụng tại B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa do ông Trần T2 khai hoang năm 1975. Ngày 17/5/1981, ông T2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thế T3 và sau đó ông T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T4.

Ngày 20/3/2013, ông Nguyễn Trần Trung L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T4 với diện tích đất 60m², tài sản trên đất nhà cấp 4, cấu trúc mái tôn gỗ, xi măng, đá chẻ (diện tích 22m²) giá 55.000.000đ (Năm lăm triệu đồng). Hai bên có lập hợp đồng mua bán, thanh toán đủ tiền ghi trong hợp đồng. Ông L ở ổn định từ đó cho tới nay không tranh chấp các lô đất liền kề, không bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất UBND tỉnh phê duyệt.

Ngày 15/8/2022, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1669/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trần Trung L đang sử dụng để

thực hiện dự án **C & S** tại phường **V**, thành phố **N** (viết tắt là Quyết định số 1669/QĐ-UBND; Dự án).

Ngày 15/8/2022, UBND thành phố **N** ban hành Quyết định số 1680/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án (viết tắt là Quyết định số 1680/QĐ-UBND).

Không đồng ý với các quyết định trên, ông **L** khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố **N**. Ngày 17/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố **N** ban hành Quyết định số 1154/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông **Nguyễn Trần Trung L** (Lần đầu), nội dung bác toàn bộ khiếu nại của ông **L** (Sau đây viết tắt là Quyết định số 1154/QĐ-UBND).

Ông **L** cho rằng các quyết định trên không phù hợp pháp luật, vì:

Năm 2001, Thủ tướng cho Công ty **Đ1** đầu tư khu **N** tại phường **V**, thành phố **N** với diện tích 454.701m². Cơ quan thẩm quyền chưa ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường đất và các tài sản trên đất cho người dân bị ảnh hưởng bởi Dự án theo các Điều 21, 24, 25 Luật Đất đai năm 1993.

Ngày 12/9/2006, Thủ tướng chỉ đạo xử lý tài sản Dự án. Ngày 24/10/2006, Bộ **K** và Đầu tư ban hành Quyết định số 581 chấm dứt đầu tư dự án **R**. Ngày 27/10/2011, UBND tỉnh **K** cho thành lập công ty.

Ngày 22/8/2013, UBND tỉnh **K** đồng ý cho Công ty **D** thuê khu **C** diện tích 13.176,2m². Ngày 13/01/2014, UBND tỉnh **K** quyết định cho Công ty **D** thuê 129.045,9m² tại khu **C** ranh giới mốc II+III+IV+X+XI xây dựng khu **C** Dự án.

Ngày 28/10/2016, UBND tỉnh **K** cho Công ty Cổ phần **D1** thuê bổ sung 35.839,6m² xây dựng khu **C** gồm: khu **I**, **VII**, **IX**, **X**, **IX** theo cắm mốc ranh giới số 175-2016, tỷ lệ 1/2000 do Sở **T6** xét duyệt ngày 13/10/2016. Tại Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 28/10/2016, UBND tỉnh **K** cho Công ty thuê toàn bộ khu **II** diện tích 120.324,6m² xây dựng khu **C** thay cho Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 13/01/2014. Ngày 16/8/2021 tại Quyết định số 2308/QĐ-UBND, UBND tỉnh **K** cho Công ty thuê diện tích bổ sung là 7.123m². Tổng diện tích UBND tỉnh **K** cho thuê khi thực hiện dự án là 163,2881m² tương đương 16,3ha nằm tại khu **C**.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 17 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quyết định thuê đất. Do đó,

UBND thành phố N ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ ông L là nằm ngoài diện tích đất của UBND tỉnh K cho công ty thuê xây dựng Dự án khu C.

Từ những căn cứ trên, ông L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1669/QĐ-UBND, Quyết định số 1680/QĐ-UBND và Quyết định số 1154/QĐ-UBND.

** Tại văn bản số 2226/UBND-TNMT, số 2227/UBND-TNMT ngày 26/3/2024 và quá trình tố tụng, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, Chủ tịch UBND thành phố N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

1. Về yêu cầu hủy Quyết định số 1669/QĐ-UBND:

Dự án đã được UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000389 ngày 16/4/2013 chứng nhận Công ty Cổ phần D thực hiện dự án đầu tư C1 tại khu đất liền ven biển B, phường V, thành phố N với diện tích khoảng 46ha; Mục tiêu: đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp (đạt tiêu chuẩn 5 sao) với vốn đầu tư khoảng 1.200 tỷ đồng; nguồn vốn: 100% vốn trong nước, từ nguồn vốn tự có của Doanh nghiệp và vốn huy động khác; thời hạn hoạt động: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP 25/5/2007, thì Dự án này thuộc nhóm đối tượng Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 99 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, cụ thể:

“1. Trường hợp đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, giới thiệu địa điểm hoặc thông báo thu hồi đất gửi đến từng người có đất thu hồi hoặc văn bản cho phép chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng chưa có quyết định thu hồi đất thì xử lý như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất hoặc chủ đầu tư nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, nếu phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Dự án được UBND tỉnh K cấp chủ trương đầu tư trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực. Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và Điều 99 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01/7/2014, UBND tỉnh K đã thống nhất cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất để thực hiện dự án, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa thông qua tại Nghị quyết số: 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 (trong đó Dự án thuộc STT 21 Mục IV Đất các dự án thu hồi đất chuyển tiếp theo Điều 99 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nhóm Các dự án có vốn ngoài ngân sách nhà nước).

Ngày 06/01/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5488314111 cho Công ty Cổ phần K1 để thực hiện dự án C & Spa.

Ngày 24/02/2016, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 465/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nghỉ dưỡng C, phường V, thành phố N, trong đó: diện tích lập quy hoạch 44,41ha (bao gồm khu B 28,8ha, khu C 15,61 ha). Ngày 07/5/2019, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1313/QĐ- UBND về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án, trong đó: Diện tích lập quy hoạch 43,81ha (bao gồm khu B 28,2ha, khu C 15,61 ha).

Ngày 27/10/2016, UBND thành phố N đã ban hành Thông báo số 826/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Theo quy định tại khoản 60 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về bổ sung khoản 3, 4 vào Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, cụ thể:

“3. Đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhưng không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013 mà đã lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp vào danh mục dự án cần thu hồi đất để trình Hội đồng nhân dân thông qua trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất.

Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật đất đai.” (Điều 69 Luật đất đai năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng).

Ngày 28/12/2018, **T7** có Văn bản số 329/CQHĐĐ- PGĐ,CTĐ gửi **Sở T6** hướng dẫn chuyên môn về việc thu hồi đất thực hiện Dự án.

Ngày 25/01/2019, **Sở T6** có Văn bản số 449/STNMT-CCQLĐĐ báo cáo giải trình và làm rõ nội dung Dự án có được tiếp tục thực hiện theo hình thức Nhà nước thu hồi đất đối với Khu B (Khu C đã thu hồi). Theo đó, **Sở T6** kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo **UBND thành phố N**, các đơn vị liên quan tiếp tục triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích còn lại của dự án là phù hợp quy định.

Theo đó, **UBND tỉnh K** có Văn bản số 1695/UBND-XDND ngày 22/2/2019 và Văn bản số 1064/UBND-XDND ngày 30/01/2019 đồng ý với nội dung đề nghị của **Sở T6**; yêu cầu **UBND thành phố N**, chủ đầu tư tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích còn lại của dự án **C & Spa**.

Do đó, việc Nhà nước thực hiện thu hồi đất để thực hiện Dự án là có căn cứ pháp luật.

Trong quá trình thực hiện dự án, hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** đang sử dụng thửa đất số 102 tờ bản đồ số 02 thuộc Mảnh trích đo địa chính số 88 – 2018 do **Công ty TNHH D2** thiết lập ngày 01/8/2018 và được **Sở T6** xác nhận 21/9/2018, trên cơ sở bản đồ cắm mốc ranh giới số 175 – 2016 được **Sở T6** xác nhận ngày 13/10/2016 có diện tích 52,8m² đã được **UBND phường V** xác nhận tại Giấy xác nhận số 330/XN-UBND ngày 14/3/2022 nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Trước khi ban hành Quyết định số 1669/QĐ-UBND và Quyết định số 1680/QĐ-UBND, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức niêm yết công khai, lấy ý kiến theo đúng trình tự quy định pháp luật.

Do đó, việc **UBND thành phố N** ban hành Quyết định số 1669/QĐ-UBND là đúng theo trình tự, thẩm quyền.

2. Về yêu cầu hủy Quyết định số 1680/QĐ-UBND:

Theo Giấy xác nhận số 330/XN-UBND ngày 14/3/2022 của **UBND phường V**:

“Thửa đất số 102 tờ bản đồ số 02 thuộc Mảnh trích đo địa chính số 88 – 2018 do Công ty TNHH D2 thiết lập ngày 01/8/2018 và được Sở T6 xác nhận 21/9/2018, trên cơ sở bản đồ cắm mốc ranh giới số 175 – 2016 được Sở T6 xác nhận ngày 13/10/2016 có diện tích 52,8m².

Ngày 02/02/2016, ông Nguyễn Thế T3 và bà Huỳnh Thị Ngọc M làm Giấy xác nhận và cam kết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T4 và bà Huỳnh Thị Ngọc T5 với diện tích 2.820m², địa chỉ B, Đường Đ, phường V, thành phố N.

Tháng 12/2016, ông Nguyễn Văn T4 trích một phần chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần Trung L (bằng giấy tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Diện tích thực tế sử dụng của ông Nguyễn Trần Trung L là 52,8m² chênh lệch giảm 7,2m² so với giấy tờ là do mua bán áng chừng. Toàn bộ khuôn viên ranh giới thửa đất đã được xác định, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề.

- Hộ gia đình không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi.
- Hộ gia đình không ăn ở, sinh hoạt ổn định tại vị trí giải tỏa.
- Thời điểm sử dụng đất: từ năm 12/2016 cho đến nay.
- Thời điểm xây dựng công trình và vật kiến trúc trên đất: Tháng 12/2016
- không có giấy phép xây dựng.
- Loại đất: Đất trồng cây lâu năm.
- Tổng diện tích đất: 52,8m²”.

Theo nội dung xác minh của UBND phường V, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã họp xét thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Nguyễn Trần Trung L vào ngày 04/4/2022 và niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Thông báo số 90/TB-HĐBT ngày 06/5/2022.

Theo đó, UBND thành phố N phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 15/08/2022, cụ thể như sau:

+ Về đất:

Trường hợp hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** sử dụng đất sau ngày 01/7/2014, loại đất: Đất trồng cây lâu năm, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định, không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định. Do đó, không được bồi thường về đất theo khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm 8a khoản 4 Điều 1 Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của **UBND tỉnh K** sửa đổi bổ sung một số điều tại quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của **UBND tỉnh K** (sửa đổi, bổ sung Điều 22 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của **UBND tỉnh K** ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa).

Căn cứ Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của **UBND tỉnh K** về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án và Văn bản số 846/UBND-XDND ngày 25/01/2022 của **UBND tỉnh K** về việc chủ trương áp dụng giá cụ thể tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án đã phê duyệt giá đất cụ thể năm 2021 thuộc địa bàn **thành phố N**.

Trường hợp hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** bị thu hồi toàn bộ diện tích đất 52,8m², thuộc vị trí 3, loại đất trồng cây lâu năm nên việc UBND thành phố hỗ trợ về đất với đơn giá: 810.000 đồng/m² x 90% x 52,8m² = 38.491.200 đồng là phù hợp theo quy định.

+ Về tài sản gắn liền trên đất: Công trình, vật kiến trúc xây dựng không có giấy phép xây dựng; thời điểm xây dựng vào tháng 12 năm 2016 (Sau thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất số 826/TB-UBND ngày 27/10/2016 của **UBND thành phố N**). Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 không bồi thường, không hỗ trợ.

+ Về cây trồng: Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của **UBND tỉnh K**, **UBND thành phố N** đã phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 theo quy định.

+ Về chính sách hỗ trợ: Căn cứ Điều 83 Luật đất đai 2013, Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này, không đủ điều kiện bồi thường về đất, không ăn ở sinh hoạt tại thửa đất nên không đủ điều kiện hỗ trợ.

+ Về chính sách tái định cư: Trường hợp hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** bị thu hồi toàn bộ diện tích đất (loại đất: đất trồng cây lâu năm), không được bồi thường về đất (do không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) và không ăn ở, sinh hoạt tại vị trí giải tỏa. Căn cứ Điều 23, 24 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của **UBND tỉnh K** quy định Chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và khoản 5 Điều 1 Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của **UBND tỉnh K** thì trường hợp của hộ **Nguyễn Trần Trung L** không đủ điều kiện để giải quyết tái định cư theo quy định khi nhà nước thu hồi đất.

Từ những nội dung nêu trên, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** đã được xét duyệt theo quy định.

Như vậy, ông **Nguyễn Trần Trung L** yêu cầu hủy Quyết định số 1680/QĐ-UBND là không có cơ sở.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1154/QĐ-UBND:

Không đồng ý với Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, ông **Nguyễn Trần Trung L** có đơn khiếu nại yêu cầu hủy các Quyết định số 1669/QĐ-UBND và Quyết định số 1680/QĐ-UBND vì ông **L** cho rằng Dự án trên không thuộc diện Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và đã được Chủ tịch **UBND thành phố N** giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 1154/QĐ-UBND. Như vậy, ông **Nguyễn Trần Trung L** yêu cầu hủy Quyết định số 1154/QĐ-UBND là không có cơ sở.

* *Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Trần Trung L** và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* *Đại diện **Công ty Cổ phần V** trình bày:*

Công ty luôn tuân thủ và nghiêm chỉnh thực hiện theo quy định pháp luật và các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình triển khai dự án. Cụ thể: Dự án **C & Spa** là dự án đã được **UBND tỉnh K** cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000389 ngày 16/04/2013 chứng nhận **Công ty Cổ phần D** với diện tích khoảng 46ha. Theo quy định tại Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai và Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP thì Dự án thuộc nhóm đối tượng Nhà nước thu hồi đất.

Dự án cũng đã được **HĐND tỉnh K** thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5488314111 ngày 06/01/2016 cho **Công ty Cổ phần K1** (tên Công ty hiện đã thay đổi là **Công ty Cổ phần V**) để thực hiện Dự án.

Ngày 24/02/2016, **UBND tỉnh K** ban hành Quyết định số 465/QĐ- UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 **Khu nghỉ dưỡng C, phường V, thành phố N**.

Ngày 27/10/2016, **UBND thành phố N** ban hành Thông báo số 826/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Công ty nhận thấy quá trình triển khai công tác thu hồi đất của dự án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện dự án, hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** đang sử dụng thửa đất số 102 tờ bản đồ số 02 thuộc Mảnh trích đo địa chính số 88 – 2018 do **Công ty TNHH D2** thiết lập ngày 01/8/2018 và được **Sở T6** xác nhận 21/9/2018, trên cơ sở bản đồ cắm mốc ranh giới số 175 – 2016 được **Sở T6** xác nhận ngày 13/10/2016 có diện tích 52,8m² do ông **L** kê khai đã được **UBND phường V** xác nhận tại Giấy xác nhận số 330/XN-UBND ngày 14/3/2022 nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Trước khi ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải

phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức niêm yết công khai, lấy ý kiến theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Tại các buổi họp vận động nhận tiền và bàn giao mặt bằng, đại diện **UBND phường V** cùng các đơn vị liên quan đã nhiều lần vận động hộ dân sớm nhận tiền và bàn giao mặt bằng theo chính sách hỗ trợ của **Công ty V**, nhưng hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** vẫn không đồng ý. Hiện tại, **Công ty V** không còn chính sách hỗ trợ cho bất kỳ trường hợp nào.

** Đại diện **UBND phường V** trình bày:*

Trong quá trình thực hiện Dự án, hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** kê khai và sử dụng thửa đất số 102 tờ bản đồ số 02 thuộc thửa đất trích đo địa chính số 88 – 2018 do **Công ty TNHH D2** thiết lập ngày 01/8/2018 và được **Sở T6** xác nhận 21/9/2018, trên cơ sở bản đồ cắm mốc ranh giới số 175 – 2016 được **Sở T6** xác nhận ngày 13/10/2016 có diện tích 52,8m².

- Về việc niêm yết công khai xác nhận nguồn gốc đất:

Căn cứ vào kết quả đo đạc, giấy tờ nguồn gốc đất do hộ dân, **UBND phường V** đã tiến hành tổ chức họp xét nguồn gốc đất và niêm yết nguồn gốc đất tại Thông báo số 242/TB-UBND ngày 25/02/2022 (Đợt 33 - 30 trường hợp) với nội dung như sau:

Thửa đất số 102 tờ bản đồ số 02 thuộc thửa đất trích đo địa chính số 88 – 2018 do **Công ty TNHH D2** thiết lập ngày 01/8/2018 và được **Sở T6** xác nhận 21/9/2018, trên cơ sở bản đồ cắm mốc ranh giới số 175- 2016 được **Sở T6** xác nhận ngày 13/10/2016 có diện tích 52,8m².

Tháng 12/2016, ông **Nguyễn Văn T4** trích một phần chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Trần Trung L**.

Thời gian niêm yết nguồn gốc đất từ ngày 25/02/2022 đến ngày 11/03/2022 tại trụ sở **UBND phường V** và khu dân cư **T Đường Đ, B, phường V**. Tuy nhiên hộ ông **Nguyễn Trần Trung L** không có ý kiến về nội dung xác minh nêu trên.

Do đó ngày 14/03/2022, **UBND phường V** ban hành Giấy xác nhận số 330/XN-UBND về thửa đất thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án.

- Về việc niêm yết lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và cư đối với hộ ông **Nguyễn Trần Trung L**: Thực hiện Thông báo số 90/TB-HĐBT ngày 06/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án, **UBND phường V** đã phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, **UBMTTQVN phường V**, Đại diện hộ dân, Tổ trưởng tổ dân phố niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại UBND phường và **khu dân cư T Đường Đ, B, phường V**. Đồng thời, đã tổ chức mời ông **Nguyễn Trần Trung L** họp lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vào ngày 12/5/2022. Tuy nhiên ông **Nguyễn Trần Trung L** không tham gia dự họp và không có ý kiến góp ý Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Quá trình niêm yết các hồ sơ trên đều có đầy đủ biên bản niêm yết, biên bản kết thúc niêm yết, và được niêm yết tại trụ sở UBND phường và khu dân cư theo đúng quy định.

Vì vậy, **UBND phường V** đã thực hiện đầy đủ quy trình niêm yết về nguồn gốc quá trình sử dụng đất, phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư của hộ dân và đảm bảo việc lấy ý kiến phương án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 30, Điều 158 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

- Căn cứ Điều 69, khoản 4 Điều 74, Điều 79, khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 83 và khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Trần Trung L** về các yêu cầu sau:

1.1. Yêu cầu hủy Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Trần Trung L đang sử dụng để thực hiện dự án C & S tại phường V, thành phố N.

1.2. Yêu cầu hủy Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Trần Trung L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án C & S tại phường V, thành phố N.

1.3. Yêu cầu hủy Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trần Trung L (Lần đầu).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 09-10-2024 ông Nguyễn Văn S, là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Trần Trung L và Nguyễn Trần Trung L3, làm đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm. Nêu lý do là về nguồn gốc diện tích đất 60 m² bị thu hồi là do ông Trần T2 khai hoang năm 1975, đến 1981 chuyển nhượng cho ông T3, năm 2016 ông T3 chuyển nhượng cho ông T4, sau đó ông T4 chuyển nhượng một phần diện tích là 60m² cho ông L sử dụng. UBND thành phố N thu hồi đất của ông Nguyễn Trần Trung L là không đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm

Đại diện của người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, cho rằng nhà đất của ông Nguyễn Trần Trung L nằm tại tổ A B-V, không nằm trong khu vực đất thu hồi; nhưng vẫn bị thu hồi trên thực tế là không đúng. Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện của người bị kiện có Văn bản trình bày ngày 11-3-2025 đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ nhất, nhưng người kháng cáo có mặt và đề nghị xét xử, các đương sự khác có đơn xin xét xử vắng mặt. Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo: bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, người kháng cáo không có tài liệu gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất, đại diện của người kháng cáo có mặt, đương sự khác có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 255 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xem xét Quyết định số: 1669/QĐ-UBND về thu hồi đất:

Ngày 16/4/2013, UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000389, chứng nhận Công ty cổ phần D thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp (đạt chuẩn 5 sao), với diện tích khoảng 46ha, thời hạn hoạt động: 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Ngày 10/12/2014, HĐND tỉnh K ban hành Nghị quyết số: 13/NQ-HĐND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trong đó có Dự án.

Việc UBND tỉnh K thu hồi, cho thuê đất để Công ty Cổ phần D thực hiện Dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp theo Điều 99 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 34 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, khoản 2 mục X Thông tư số: 06/2007/TT-NTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ T8 quy định về việc thu hồi đất để thực hiện các dự án khu dân cư, trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp. Như vậy, Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 24/02/2016, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 465/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu nghỉ dưỡng C & Spa.

Ngày 27/10/2016, UBND thành phố N có Thông báo số: 826/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án, diện tích đất thu hồi Khu B (B1 + B2): 28,80ha.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000389 do UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty Cổ phần D đầu tư khoảng 46 ha (gồm Khu A: khoảng 2ha; khu B: khoảng 30ha; khu C: khoảng 14ha). Ngày 14/11/2014, UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh giảm diện tích dự án còn khoảng 44ha (khu B: khoảng 30ha; khu C: khoảng 14ha). Như vậy, Dự án chỉ điều chỉnh giảm diện tích đối với khu A, còn diện tích khu B vẫn không thay đổi; do đó không có việc khu B đã được đưa ra khỏi diện tích đất dự kiến sử dụng để thực hiện Dự án.

Hộ ông Nguyễn Trần Trung L đang sử dụng thửa đất số 102 tờ bản đồ số 02 thuộc Mảnh trích đo địa chính số 88 – 2018 do Công ty TNHH D2 thiết lập ngày 01/8/2018 và được Sở T6 xác nhận 21/9/2018, trên cơ sở bản đồ cắm mốc ranh giới số 175 – 2016 được Sở T6 xác nhận ngày 13/10/2016 có diện tích 52,8m² đã được UBND phường V xác nhận tại Giấy xác nhận số 330/XN-UBND ngày 14/3/2022 nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Trích đo địa chính thửa đất do Công ty Cổ phần T9 và Tây nguyên thì thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích 52,8m², hiện trạng đất trống thuộc khu B - Khu nghỉ dưỡng C & Spa.

Do đó, người kháng cáo cho rằng diện tích đất thu hồi của ông Nguyễn Trần Trung L không nằm trong phạm vi dự án là không có cơ sở.

[3] Xem xét yêu cầu hủy Quyết định số 1680/QĐ-UBND:

- Bồi thường về đất:

+ Về thời điểm sử dụng đất:

Ngày 02/02/2016, ông Nguyễn Thế T3 và bà Huỳnh Thị Ngọc M làm Giấy xác nhận và cam kết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T4 và bà Huỳnh Thị Ngọc T5 với diện tích 2.820m², địa chỉ B, Đường Đ, phường V, thành phố N.

Tháng 12/2016, ông Nguyễn Văn T4 trích một phần chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần Trung L (bằng giấy tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm

quyền). Tại Giấy xác nhận số 330/XN-UBND ngày 14/3/2022 của UBND phường V: Thời điểm sử dụng đất của ông Nguyễn Trần Trung L: Tháng 12/2016.

Trường hợp hộ ông L sử dụng đất sau ngày 01/7/2014, loại đất trồng cây lâu năm, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định, không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định. Do đó, không được bồi thường về đất theo khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Theo điểm a khoản 8 Điều 22 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh K sửa đổi bổ sung một số điều tại quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh K. Trường hợp hộ ông L bị thu hồi toàn bộ diện tích đất 52,8m², thuộc vị trí 3, loại đất trồng cây lâu năm nên việc UBND thành phố hỗ trợ về đất với đơn giá: 810.000 đồng/m² x 90% x 52,8m² = 38.491.200 đồng là phù hợp với quy định.

+ Về tài sản gắn liền trên đất: Công trình, vật kiến trúc xây dựng không có giấy phép xây dựng; thời điểm xây dựng vào tháng 12 năm 2016 (Sau thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất số 826/TB-UBND ngày 27/10/2016 của UBND thành phố N). Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 hộ ông L không được bồi thường, không hỗ trợ về tài sản gắn liền trên đất.

+ Về cây trồng: Căn cứ theo Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và Quyết định 2985/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh K, UBND thành phố N đã phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 theo quy định, số tiền bồi thường bổ sung là 300.000 đồng (02 cây xoài) là phù hợp với Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh K về Ban hành Bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh).

+ Về chính sách hỗ trợ: hộ ông L không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này, không đủ điều kiện bồi thường về đất, không ăn ở sinh hoạt tại thửa đất nên không đủ điều kiện hỗ trợ.

+ Về chính sách tái định cư: Trường hợp hộ ông L bị thu hồi toàn bộ diện tích đất (loại đất: Đất trồng cây lâu năm), không được bồi thường về đất và không ăn ở, sinh hoạt tại vị trí giải tỏa, không phải di chuyển chỗ ở nên trường hợp của hộ ông L không đủ điều kiện để giải quyết tái định cư.

Quyết định số 1680/QĐ- UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Trần Trung L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về yêu cầu hủy Quyết định số 1154/QĐ-UBND: các quyết định về thu hồi đất, về bồi thường đều có căn cứ và đúng pháp luật; người có đất bị thu hồi phải bàn giao đất. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1154/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trần Trung L là đúng.

[5] Từ nhận định nêu trên, bản án hành chính sơ thẩm đã quyết định bác các yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm người kháng cáo phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Trần Trung L và Nguyễn Trần Trung L3, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000614 ngày 05/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Người kháng cáo đã nộp đủ tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ III-TAND tối cao ;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Long